TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-HN, ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khóm TH, phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Thành T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khóm TH, phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thành T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên vào ngày 27/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, cờ bạc, bà nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi mà tình trạng ngày càng xấu thêm nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu ly hôn ông Lê Thành T.

Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Thị Bảo Tr, sinh ngày 27/10/2014 do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn ông Lê Thành T.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Bảo Tr, sinh ngày 27/10/2014 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề xuất giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại phường MT, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Thành T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thới nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà N trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không chí thú làm ăn lo cho gia đình, cờ bạc, bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không sửa đổi nên ông bà sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên ngày 03/02/2023 thể hiện: Đương sự Lê Thành T, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số khóm TH, phường MT, thành phố Long Xuyên. Do ông T vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, thực tế cả bà N và ông T không quan tâm, không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm khi mâu thuẫn phát sinh, thời gian sống ly thân ông bà cũng không có biện pháp, giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Thị Bảo Tr, sinh ngày 27/10/2014 do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Tr cũng có nguyện vọng sống cùng bà N. Ông T không tranh chấp quyền nuôi con. Xét điều kiện của bà N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Tr, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà N trực tiếp nuôi con có thu nhập ổn định từ việc mua bán đủ khả năng lo cho con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được từ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn ông Lê Thành T.

2. Về con chung: Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thùy N có 01 (một) con chung tên Lê Thị Bảo Tr, sinh ngày 27/10/2014. Bà Nguyễn Thị Thùy N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị Bảo Tr sau khi ly hôn.

Ông Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nguyễn Thị Thùy N không yêu cầu.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0001277, ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa